



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM



an independent member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011	14 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trọng tài kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 9 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do được cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 0200106490 và lần đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 08 tháng 3 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	840.000.000.000	60
Các cổ đông khác	560.000.000.000	40
Cộng	1.400.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : (0313) 731 090
Fax : (0313) 731 007
E-mail : PID@vosco.vn
Mã số thuế : 0 2 0 0 1 0 6 4 9 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Đại lý Dầu	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng	255 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang	43A Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu	110 Hạ Long, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ngãi	696 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải đường biển;
- Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển;
- Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển;
- Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không;
- Xuất khẩu thuyền viên;
- Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty;
- Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống;
- Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.

Các công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130591 ngày 15 tháng 11 năm 2010	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130601 ngày 15 tháng 11 năm 2010	100%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201137068 ngày 22 tháng 12 năm 2010	51%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Số 09 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0311081202 ngày 19 tháng 08 năm 2011	100%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm Công ty chia cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Chia cổ tức (8% vốn điều lệ)	112.000.000.000
Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	11.948.107.068
Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	11.948.107.068
Thù lao Hội đồng quản trị	636.000.000
Cộng	<u><u>136.532.214.136</u></u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hữu Chinh	Chủ tịch		
Ông Bùi Việt Hoài	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	01 tháng 3 năm 2011	01 tháng 3 năm 2011
Ông Nguyễn Duy Nhi	Ủy viên		
Ông Lâm Phúc Tú	Ủy viên	14 tháng 10 năm 2011	14 tháng 10 năm 2011
Ông Đặng Thanh Quang	Ủy viên		
Ông Lê Việt Tiến	Ủy viên		
Ông Trần Trọng Phúc	Ủy viên		

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Châu Quang Khải	Trưởng ban
Ông Đặng Hồng Trường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hữu Chinh	Tổng Giám đốc	05 tháng 3 năm 2012	01 tháng 3 năm 2012
Ông Bùi Việt Hoài	Tổng Giám đốc		
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc		01 tháng 8 năm 2011
Ông Đặng Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Lâm Phúc Tú	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2011	
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng		

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Hữu Chinh

Ngày 18 tháng 4 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

BÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. I, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 228/2012/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 4 năm 2012, từ trang 7 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc thay đổi ước tính kế toán liên quan đến việc trích khấu hao trong năm.



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV
Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2012.

Kiểm toán viên

Bùi Hoàng Phương

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		716.990.816.410	556.876.631.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.590.410.078	134.272.441.361
1. Tiền	111		59.590.410.078	100.716.330.250
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	33.556.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		424.782.711.880	241.045.642.420
1. Phải thu khách hàng	131		137.633.649.302	106.724.743.198
2. Trả trước cho người bán	132		253.691.237.474	36.898.992.420
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	35.933.536.455	99.041.352.117
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(2.475.711.351)	(1.619.445.315)
IV. Hàng tồn kho	140		211.400.197.673	164.959.781.710
1. Hàng tồn kho	141	V.4	211.400.197.673	164.959.781.710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.217.496.779	16.598.765.814
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	2.214.301.082	4.568.582.735
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.226.339.972	1.192.706.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	6.583.698.488	9.870.197.864
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.193.157.237	967.279.109

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.551.002.992.803	4.335.126.679.764
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.211.321.841.973	4.129.300.754.541
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.148.426.248.353	4.124.888.698.988
<i>Nguyên giá</i>	222		6.671.451.211.714	6.857.834.773.476
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.523.024.963.361)	(2.732.946.074.488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.240.754.920	4.300.999.553
<i>Nguyên giá</i>	228		4.404.303.720	4.379.153.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(163.548.800)	(78.154.167)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	58.654.838.700	111.056.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		82.183.397.343	80.183.397.343
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	82.183.397.343	80.183.397.343
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		257.497.753.487	125.642.527.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	241.614.055.408	109.758.830.201
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	14.881.630.879	14.881.630.879
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.002.067.200	1.002.066.800
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.267.993.809.213	4.892.003.311.069

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.817.282.698.986	3.324.282.371.675
I. Nợ ngắn hạn	310		625.675.942.864	746.740.146.683
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	41.656.000.000	235.324.760.000
2. Phải trả người bán	312		394.589.913.917	306.600.996.863
3. Người mua trả tiền trước	313		37.990.422.296	29.973.969.380
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.681.383.378	3.341.512.004
5. Phải trả người lao động	315		15.976.099.742	23.029.875.761
6. Chi phí phải trả	316		-	99.022.287.430
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	115.454.896.676	45.708.858.797
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	17.327.226.855	3.737.886.448
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.191.606.756.122	2.577.542.224.992
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.19	14.302.974.310	14.302.974.310
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	144.000.000	144.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	3.176.105.577.070	2.562.176.610.526
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	1.012.386.561	876.821.975
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		41.818.181	41.818.181
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.440.833.639.337	1.567.720.939.394
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.440.833.639.337	1.567.720.939.394
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.320.384.546)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(995.668.681)	(1.644.681.274)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.107.068	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.968.205.262	15.968.205.262
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.233.380.234	153.397.415.406
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		9.877.470.890	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.267.993.809.213	4.892.003.311.069

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.341.473,95	4.704.771,33
Euro (EUR)		0,54	62.431,18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 18 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Bá Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Tổng Giám đốc



Vũ Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.992.636.067.984	2.726.940.493.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.223.397.152	5.033.267.878
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.987.412.670.832	2.721.907.225.215
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.709.113.117.759	2.347.385.616.200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		278.299.553.073	374.521.609.015
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.083.633.675	36.241.897.263
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	377.547.387.644	257.775.734.390
Trong đó: chi phí lãi vay	23		181.969.624.685	126.204.250.473
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	91.118.994.959	83.381.617.525
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	64.412.311.539	57.230.451.585
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(245.695.507.394)	12.375.702.778
11. Thu nhập khác	31	VI.7	509.482.828.786	141.791.448.185
12. Chi phí khác	32	VI.8	254.577.642.185	20.011.562.263
13. Lợi nhuận khác	40		254.905.186.601	121.779.885.922
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.209.679.207	134.155.588.700
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.494.853.523	9.713.974.390
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	4.960.543.627
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.714.825.684</u>	<u>119.481.070.683</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.527.470.890	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.10	4.187.354.794	119.481.070.683
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>30</u>	<u>853</u>

Lập, ngày 18 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Vũ Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)****Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.125.921.910.741	2.839.031.789.931
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.654.293.369.065)	(1.649.877.111.408)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(211.311.197.080)	(216.962.284.461)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(182.703.973.685)	(138.490.098.857)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.500.338.958)	(27.099.859.961)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		165.772.895.870	165.924.575.526
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(235.780.722.609)	(400.308.786.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.105.205.214	572.218.224.611
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(656.919.413.960)	(860.475.148.389)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		487.608.935.516	135.478.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	150.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.800.893.387	8.602.389.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(164.509.585.057)	(719.244.458.860)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7.320.384.546)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.657.848.290.000	1.056.323.528.248
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.450.740.167.016)	(883.581.181.866)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(111.074.524.890)	(66.756.425.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		88.713.213.548	105.985.921.207
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(74.691.166.295)	(41.040.313.042)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	134.272.441.361	175.295.171.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.135.012	17.583.188
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	59.590.410.078	134.272.441.361

Lập, ngày 18 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Bá Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Tuyết



Tổng Giám đốc

Vũ Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container. Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.
4. **Tổng số các công ty con** : 4
Trong đó:
Số lượng công ty con được hợp nhất : 4
Số lượng công ty con không được hợp nhất : 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	100 %	100 %
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	100 %	100 %
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	51%	51%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Số 09 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 1.491 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.564 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tài Biển Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con và giữa các Công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC-TCDN ngày 28 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư đóng mới tàu cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng được vốn hóa vào giá trị của tàu.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng.

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỉ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm, số còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng bảo hiểm.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc vẫn phải trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc. Do đó, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tiếp tục trích vào chi phí theo chính sách đã nêu ở trên.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD; 27.287 VND/EUR
31/12/2011: 20.828 VND/USD; 27.423 VND/EUR

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.063.193.054	603.654.977
Tiền gửi ngân hàng	58.527.217.024	100.112.675.273
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		33.556.111.111
Cộng	<u>59.590.410.078</u>	<u>134.272.441.361</u>

2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn các tàu vay	4.634.011.003	4.316.327.184
Các tàu vay tiền đi công tác nước ngoài	543.599.969	451.452.472
Tiền bồi thường bảo hiểm	6.564.420.592	4.886.834.683
Quỹ ốm đau thai sản	30.775.200	34.325.882
Dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia	270.400.000	5.563.554.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		129.334.028
Thuế thu nhập cá nhân năm 2010 còn phải thu cán bộ, nhân viên	182.895.759	954.298.228
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	673.358.035	465.000.000
Tài khoản lưu ký chứng khoán	36.016.897	5.005.613
Phải thu tiền bán tàu Sông Tiền, nhiên liệu, dầu nhớt còn lại trên tàu	21.181.424.308	
Bảo Minh Hải phòng - Hoàn trả phí Bảo hiểm thân tàu Thầm định nhà 122NTT	29.681.796	
Đặt cọc mua tàu Vosco Unity		64.360.797.952
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashine (chi hệ chi phí để quản lý tàu Vinashinlines-Atlantic)	648.977.839	16.617.602.736
Phí dịch vụ cấp dầu, sơn chi hệ cho Hăng	716.946.812	
Phải thu tiền chuyển nhượng bất động sản tại Vũng Tàu		975.000.000
Các khoản phải thu khác	411.937.336	281.819.339
Cộng	<u>35.933.536.455</u>	<u>99.041.352.117</u>

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.619.445.315	271.442.329
Trích lập dự phòng bổ sung	1.846.310.473	1.386.200.315
Hoàn nhập dự phòng	(990.044.437)	(38.197.329)
Số cuối năm	<u>2.475.711.351</u>	<u>1.619.445.315</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	208.032.310.335	162.291.463.705
Công cụ, dụng cụ	827.754.537	701.020.179
Hàng hóa	2.540.132.801	1.967.297.826
Cộng	<u>211.400.197.673</u>	<u>164.959.781.710</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm P&I	1.623.249.806	4.122.827.298
Chi phí bảo hiểm thuyền viên	131.547.240	157.514.116
Chi phí bảo hiểm vỏ container	439.130.000	278.741.321
Chi phí bảo hiểm FD&D	20.374.036	
Công cụ, dụng cụ		9.500.000
Cộng	<u>2.214.301.082</u>	<u>4.568.582.735</u>

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	685.338.744	9.870.197.864
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	4.161.767	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.894.197.977	
Cộng	<u>6.583.698.488</u>	<u>9.870.197.864</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	26.810.621.503	92.464.516.602	6.728.511.918.608	9.985.876.208	61.840.555	6.857.834.773.476
Mua sắm mới trong năm	1.231.640.304	645.012.568	646.537.487.108	348.595.180		648.762.735.160
Tăng khác			5.906.733.000			5.906.733.000
Thanh lý, nhượng bán			(832.815.627.859)	(119.696.760)		(832.935.324.619)
Giảm khác			(7.977.332.549)	(140.372.754)		(8.117.705.303)
Số cuối năm	28.042.261.807	93.109.529.170	6.540.163.178.308	10.074.401.874	61.840.555	6.671.451.211.714

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

761.947.678.949

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	8.909.684.251	15.453.771.551	2.701.419.080.435	7.132.617.959	30.920.292	2.732.946.074.488
Khấu hao trong năm	842.749.860	9.300.158.193	368.965.167.506	1.037.538.963	10.306.764	380.155.921.286
Thanh lý, nhượng bán			(587.110.155.621)	(115.038.411)		(587.225.194.032)
Giảm khác			(2.736.944.661)	(114.893.720)		(2.851.838.381)
Số cuối năm	9.752.434.111	24.753.929.744	2.480.537.147.659	7.940.224.791	41.227.056	2.523.024.963.361

Giá trị còn lại

Số đầu năm	17.900.937.252	77.010.745.051	4.027.092.838.173	2.853.258.249	30.920.263	4.124.888.698.988
Số cuối năm	18.289.827.696	68.355.599.426	4.059.626.030.649	2.134.177.083	20.613.499	4.148.426.248.353

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.353.520.288.638 VND và 4.049.357.759.010 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.271.753.720	107.400.000	4.379.153.720
Mua trong năm	25.150.000		25.150.000
Số cuối năm	4.296.903.720	107.400.000	4.404.303.720
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		92.400.000	92.400.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		78.154.167	78.154.167
Khấu hao trong năm	57.689.200	27.705.433	85.394.633
Số cuối năm	57.689.200	105.859.600	163.548.800
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.271.753.720	29.245.833	4.300.999.553
Số cuối năm	4.239.214.520	1.540.400	4.240.754.920

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ (Mua và đóng hoàn thiện tàu dờ đang trọng tải 56.200 DWT, ký hiệu F56-NT03)		58.543.782.700		58.543.782.700
XDCB dở dang (Nhà làm việc Vosco Nha Trang)	111.056.000			111.056.000
Cộng	111.056.000	58.543.782.700		58.654.838.700

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		77.048.397.343		77.048.397.343
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	8.752.251	73.648.455.343	7.658.220	73.648.455.343
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	65		50	
Công ty Cổ phần Hàng hải SSV	67.600	3.399.942.000	67.600	3.399.942.000
Đầu tư vào đơn vị khác		5.135.000.000		3.135.000.000
Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines		5.000.000.000		3.000.000.000
Quỹ hỗ trợ phát triển		135.000.000		135.000.000
Cộng		82.183.397.343		80.183.397.343

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Số lượng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải tăng do cổ phiếu thưởng.
- Số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tăng do cổ phiếu thưởng.
- Các khoản đầu tư vào đơn vị khác tăng do trong năm Công ty góp vốn đầu tư 2.000.000.000 VND vào Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa tài sản và các tàu lên đà	57.722.539.723	97.885.093.901	60.754.457.263	94.853.176.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.944.947.200	112.101.305.345	17.314.982.400	146.731.270.145
Chi phí trả trước dài hạn khác	91.343.278		91.343.278	
Chi phí bảo hiểm tài sản		49.816.070	20.207.168	29.608.902
Cộng	109.758.830.201	210.036.215.316	78.130.766.941	241.614.055.408

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái).

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ xuất khẩu thuyền viên.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Bảo Việt		119.839.560.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		30.291.200.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hải Phòng		85.194.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải	41.656.000.000	
Cộng	41.656.000.000	235.324.760.000
Trong đó: Gốc vay bằng USD	2.000.000,00	12.430.000,00

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	235.324.760.000	294.387.222.654
Số tiền vay phát sinh trong năm	847.726.930.000	490.395.289.924
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	205.000.000	1.396.800.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.040.203.890.000)	(550.854.552.578)
Giảm do hoàn nhập đánh giá lại số dư cuối năm trước	(1.396.800.000)	
Số cuối năm	41.656.000.000	235.324.760.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	839.127.755	5.375.635.191	11.803.342.077	(5.588.579.131)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		50.378.249.526	50.378.249.526	
Thuế xuất, nhập khẩu	159.609.328	490.364.263	649.973.591	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.409.327.262)	2.494.853.523	(8.731.136.040)	(183.337.699)
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.623.301.652	(210.326.170)	1.412.975.482	
Thuế thu nhập cá nhân	2.232.876.141	17.473.711.923	17.858.936.326	1.847.651.738
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		3.191.027.795	3.191.027.795	
Các loại thuế khác		30.500.000	30.500.000	
Các khoản phí, lệ phí	25.726.526	1.310.866.574	1.314.643.118	21.949.982
Cộng	(6.528.685.860)	80.534.882.625	77.908.511.875	(3.902.315.110)

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(6.583.698.488)	(9.870.197.864)
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>	<i>(5.894.197.977)</i>	
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>(685.338.744)</i>	<i>(9.870.197.864)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>(4.161.767)</i>	
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	2.681.383.378	3.341.512.004
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>	<i>305.618.846</i>	<i>839.127.755</i>
<i>Thuế xuất, nhập khẩu</i>		<i>159.609.328</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>502.001.045</i>	<i>84.172.254</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>1.851.813.505</i>	<i>2.232.876.141</i>
<i>Các khoản phí, lệ phí khác</i>	<i>21.949.982</i>	<i>25.726.526</i>
Cộng	(3.902.315.110)	(6.528.685.860)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.6).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước	10%
Cung cấp nước sinh hoạt	5%
Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư *tàu biển*^(*) theo điểm b, khoản 2, mục IV, phần E, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

(*) Thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại điểm 42 Mục VIII, Phần B, Phụ lục A ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.209.679.207	134.155.588.700
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	769.734.883	(12.654.499.000)
- Điều chỉnh tăng các khoản lỗ tính thuế tại các Công ty trong Tập đoàn	769.734.883	
- Cổ tức được chia		(12.654.499.000)
Thu nhập chịu thuế		121.501.089.700
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	9.979.414.090	115.387.607.440
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản		6.113.482.260
Thu nhập tính thuế	9.979.414.090	115.387.607.440
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động kinh doanh theo thuế suất phổ thông	2.494.853.523	28.846.901.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		(15.795.685.495)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp		13.051.216.365
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng Bất động sản		1.623.301.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(4.960.543.627)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.494.853.523	9.713.974.390

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại hợp đồng thuê đất và tờ khai tiền thuê đất hàng năm của Công ty.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.578.972.916	1.703.200.730
Bảo hiểm xã hội	21.764.250	
Bảo hiểm y tế	4.299.278	
Bảo hiểm thất nghiệp	1.910.790	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.421.481.535	4.496.006.425
Phải trả về cổ phần hóa		27.474.109.159
Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star)	99.022.287.430	
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động chưa quyết toán	3.529.617.060	1.677.699.427
Nhiên liệu bàn giao tàu	1.000.066.020	548.066.116
Phí giám sát đóng mới tàu		1.933.138.350
Phải trả, phải nộp khác	3.874.497.397	7.876.638.590
Cộng	<u>115.454.896.676</u>	<u>45.708.858.797</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.737.886.448	14.117.090.577
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	11.948.107.068	
Tăng từ quỹ cổ phần hoá trả nhà nước	17.022.191.042	
Tăng từ thu lao của Hội đồng quản trị	170.858.035	
Chi quỹ	(15.551.815.738)	(10.379.204.129)
Số cuối năm	<u>17.327.226.855</u>	<u>3.737.886.448</u>

19. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng theo Hợp đồng đóng mới tàu 22.500 DWT số 3/KH05.

20. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	614.775.473.490	422.856.473.490
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	1.876.061.272.000	1.329.933.376.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	130.341.624.000	177.714.684.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ^(iv)	219.805.000.000	225.035.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(v)	335.122.207.580	406.637.077.036
Cộng	<u>3.176.105.577.070</u>	<u>2.562.176.610.526</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong đó:		
Gốc vay bằng VND	834.580.473.490	665.496.473.490
Gốc vay bằng USD	112.421.985,00	100.183.823,00
(i) Khoản vay bằng VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002 và 2006. Trong năm phát sinh hợp đồng vay số 02/2011/HĐTĐĐT - NHPT ngày 30 tháng 01 năm 2011 để thanh toán cho giá trị khối lượng đã thực hiện và các chi phí bổ sung để hoàn thiện tàu chở hàng rời 56.200 DWT ký hiệu F56-NT03, tổng số tiền vay 555 tỷ, thời hạn vay tối đa là 144 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 14,4 %/ năm, thời hạn trả nợ là 120 tháng, được bảo đảm bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai.		
(ii) Khoản vay bằng USD gồm 4 hợp đồng tín dụng: <ul style="list-style-type: none">- Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 41 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.- Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Ocean Star.- Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.- Số 115/10/MSB-HP ngày 24/12/2010, số tiền 28,73 triệu USD để thanh toán một phần tiền mua tàu Vosco Unity, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả lãi sau cộng 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Diamond Star.		
(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2008/HĐTĐ-VOSCO ngày 21/11/2008, số tiền vay 15,645 triệu USD để mua tàu SEABEE (nay đổi tên thành tàu VOSCO STAR) trọng tải 46.671 DWT, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.		
(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 2 hợp đồng tín dụng: <ul style="list-style-type: none">- Số 112.2009.HĐTĐ ngày 24/08/2009, số tiền vay 175 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5% cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Silver Star, Fortune Freighter, Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam) và tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam).- Số 237.2009.HĐTĐ ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12% cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Silver Star, Fortune Freighter, Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam) và tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam).		
(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu VOSCO SKY trọng tải 52.523 DWT,		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 6%/ năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Polar Star và tàu Golden Star.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.562.176.610.526	2.330.371.801.490
Số tiền vay phát sinh	809.916.360.000	478.201.000.000
Tăng do đánh giá lại số dư cuối năm	213.152.083.560	86.330.438.324
Số tiền vay đã trả	(409.139.477.016)	(332.726.629.288)
Số cuối năm	<u>3.176.105.577.070</u>	<u>2.562.176.610.526</u>

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	876.821.975	248.722.000
Số trích lập bổ sung	1.606.128.786	1.574.526.000
Số đã chi	(1.470.564.200)	(946.426.025)
Số cuối năm	<u>1.012.386.561</u>	<u>876.821.975</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000		(9.135.948.446)		15.968.205.262	33.698.740.840	1.440.530.997.656
Lợi nhuận trong năm trước						119.481.070.683	119.481.070.683
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền và nợ ngắn hạn năm trước			9.135.948.446				9.135.948.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền và nợ ngắn hạn năm trước			(1.644.681.274)				(1.644.681.274)
Tăng khác						217.603.883	217.603.883
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000		(1.644.681.274)		15.968.205.262	153.397.415.406	1.567.720.939.394
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000		(1.644.681.274)		15.968.205.262	153.397.415.406	1.567.720.939.394
Lợi nhuận trong năm nay						4.187.354.794	4.187.354.794
Trích lập các quỹ trong năm nay				11.948.107.068		(23.896.214.136)	(11.948.107.068)
Thù lao Hội đồng quản trị						(636.000.000)	(636.000.000)
Chia cổ tức năm nay						(112.000.000.000)	(112.000.000.000)
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền và nợ ngắn hạn năm trước			1.644.681.274				1.644.681.274

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền và nợ ngắn hạn năm nay			(995.668.681)				(995.668.681)
Tăng khác		(7.320.384.546)				180.824.170	180.824.170
Mua lại cổ phiếu		(7.320.384.546)					(7.320.384.546)
Số dư cuối năm nay	1.400.000.000.000	(7.320.384.546)	(995.668.681)	11.948.107.068	15.968.205.262	21.233.380.234	1.440.833.639.337

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước (800 VND/cổ phiếu/8% mệnh giá)	112.000.000.000	

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	1.890.000	
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	138.110.000	140.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	2.992.636.067.984	2.726.940.493.093
- Doanh thu bán hàng hóa	99.239.581.030	72.055.672.734
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.893.396.486.954	2.654.884.820.359
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.223.397.152)	(5.033.267.878)
- Giảm giá hàng bán	(5.223.397.152)	(5.033.267.878)
Doanh thu thuần	<u>2.987.412.670.832</u>	<u>2.721.907.225.215</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	99.239.581.030	72.055.672.734
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.888.173.089.802	2.649.851.552.481

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	89.597.973.622	63.143.739.366
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.619.515.144.137	2.284.241.876.834
Cộng	<u>2.709.113.117.759</u>	<u>2.347.385.616.200</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.106.726.297	1.476.561.496
Lãi đầu tư trái phiếu		64.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	270.400.000	12.654.499.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi bán ngoại tệ	171.411.854	584.948.514
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.533.788.420	21.461.388.253
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.307.104	
Cộng	<u>9.083.633.675</u>	<u>36.241.897.263</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	181.969.624.685	126.204.250.473
Lỗ bán ngoại tệ	1.876.829.027	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	101.050.778.215	86.330.438.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	92.638.326.499	45.225.228.737
Chi phí tài chính khác	11.829.218	15.816.856
Cộng	<u>377.547.387.644</u>	<u>257.775.734.390</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	2.532.585.534	2.994.080.460
Chi phí vật liệu, bao bì	57.649.243	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	33.601.781	34.805.565
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.783.368	38.068.724
Chi phí quảng cáo tiếp thị		171.228.818
Chi phí hoa hồng vận tải	84.157.722.280	77.534.229.546
Chi phí khác	4.203.652.753	2.609.204.412
Cộng	<u>91.118.994.959</u>	<u>83.381.617.525</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	39.625.193.150	33.652.537.853
Chi phí vật liệu quản lý	2.060.028.207	1.721.638.931
Chi phí đồ dùng văn phòng	494.020.244	516.297.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.348.565.271	2.372.743.793
Thuế, phí và lệ phí	5.541.773.785	5.802.560.960
Chi phí dự phòng	856.266.036	1.386.200.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.976.153.253	6.828.336.275
Chi phí bằng tiền khác	5.510.311.593	4.950.135.766
Cộng	<u>64.412.311.539</u>	<u>57.230.451.585</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý bán tàu	505.595.837.516	114.538.600.000
Thu từ thanh lý Bất động sản tại Vũng Tàu		6.493.206.609
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		15.743.340.910
Thu phạt vi phạm hợp đồng	441.756.000	2.519.232.000
Các khoản tiền thưởng của khách hàng	35.512.950	79.136.100
Hoa hồng trên doanh thu đại lý bán sơn	528.848.157	
Thu phí giao dịch chứng khoán		6.909.124
Khoản tiền lương thu từ Công ty SSV Hàng Hải	52.572.000	
Thu nhập khác	2.828.302.163	2.411.023.442
Cộng	<u>509.482.828.786</u>	<u>141.791.448.185</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	245.710.130.587	16.977.437.739
Chi phí thanh lý tài sản cố định	8.336.497.862	
Phí khuyến khích khách hàng	291.643.800	
Chi phí khác	239.369.936	3.034.124.524
Cộng	<u>254.577.642.185</u>	<u>20.011.562.263</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái)		4.960.543.627
Cộng		<u>4.960.543.627</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.187.354.794	119.481.070.683
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.187.354.794	119.481.070.683
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	139.953.420	140.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>30</u>	<u>853</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	140.000.000	140.000.000
Ảnh hưởng của 1.890.000 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 12 năm 2011	(46.580)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	139.953.420	140.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	4.313.038.000	5.188.747.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với Công ty Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả Công ty mẹ về Cổ phần hóa	10.451.918.117	5.014.456.099
Trả cổ tức cho Công ty mẹ	67.200.000.000	42.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Công ty mẹ về Cổ phần hóa		27.474.109.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay để đóng mới tàu	8.131.528.800	11.971.035.000
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	8.131.528.800	11.971.035.000
Tỷ lệ vốn hóa	4,28 %	8,7 %

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ vận tải biển
- Lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.839.162.007.493	148.250.663.339	2.987.412.670.832
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.839.162.007.493	148.250.663.339	2.987.412.670.832
Chi phí bộ phận	2.718.859.961.920	145.784.462.337	2.864.644.424.257
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	120.302.045.573	2.466.201.002	122.768.246.575
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	120.302.045.573	2.466.201.002	122.768.246.575
Doanh thu hoạt động tài chính	8.354.116.090	729.517.585	9.083.633.675
Chi phí tài chính	376.708.591.061	838.796.583	377.547.387.644
Thu nhập khác	507.740.871.732	1.741.957.054	509.482.828.786
Chi phí khác	254.068.373.316	509.268.869	254.577.642.185
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.494.853.523	2.494.853.523
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.620.069.018	1.094.756.666	6.714.825.684
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	803.221.250.319	2.078.663.449	805.299.913.768
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	438.480.594.252	2.662.006.885	441.142.601.137

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	17.314.982.400	1.846.310.473	19.161.292.873
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.600.428.180.628	121.479.044.587	2.721.907.225.215
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.600.428.180.628	121.479.044.587	2.721.907.225.215
Chi phí bộ phận	2.376.337.468.605	111.660.216.705	2.487.997.685.310
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	224.090.712.023	9.818.827.882	233.909.539.905
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	224.090.712.023	9.818.827.882	233.909.539.905
Doanh thu hoạt động tài chính	34.822.328.600	1.419.568.663	36.241.897.263
Chi phí tài chính	256.341.292.533	1.434.441.857	257.775.734.390
Thu nhập khác	140.035.942.279	1.755.505.906	141.791.448.185
Chi phí khác	18.803.869.858	1.207.692.405	20.011.562.263
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.961.557.980	1.752.416.410	9.713.974.390
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.960.543.627		4.960.543.627
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	110.881.718.904	8.599.351.779	119.481.070.683
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	914.429.617.939	611.882.767	915.041.500.706
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	455.713.340.474	2.429.597.014	458.142.937.488
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)		1.386.200.315	1.386.200.315

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.084.313.692.559	86.615.088.432	5.170.928.780.991
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	97.065.028.222		97.065.028.222
Tổng tài sản			5.267.993.809.213

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.757.066.631.030	42.888.841.101	3.799.955.472.131
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	17.327.226.855		17.327.226.855
Tổng nợ phải trả			3.817.282.698.986
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.730.730.722.076	66.207.560.771	4.796.938.282.847
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	95.065.028.222		95.065.028.222
Tổng tài sản			4.892.003.311.069
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.282.026.853.886	38.517.631.341	3.320.544.485.227
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	3.737.886.448		3.737.886.448
Tổng nợ phải trả			3.324.282.371.675

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	617.366.181.263	463.002.982.722
Khu vực nước ngoài	2.370.046.489.569	2.258.904.242.493
Cộng	2.987.412.670.832	2.721.907.225.215

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	166.419.904.886	155.650.765.837	1.068.602.468.709	815.970.769.436
Khu vực nước ngoài	638.880.008.882	759.390.734.869	4.102.326.312.282	3.980.967.513.411
Cộng	805.299.913.768	915.041.500.706	5.170.928.780.991	4.796.938.282.847

5. Thay đổi ước tính kế toán

Do nguyên nhân suy thoái kinh tế, ngày 03 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính đã có Công văn số 148/BTC-TCDN cho phép các Công ty Vận tải Biển do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ cổ phần từ 51% trở lên, được giảm khấu hao năm 2011 so với mức khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 cho một số tàu biển, mức giảm tối đa không quá 75%. Theo đó, Công ty đã áp dụng mức giảm 20% tổng chi phí khấu hao đội tàu biển được trích trong năm cho một số tàu biển của mình nên chi phí khấu hao năm 2011 giảm 91.552.633.222 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.590.410.078	134.272.441.361	59.590.410.078	134.272.441.361
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343	80.183.397.343	82.183.397.343	80.183.397.343
Phải thu khách hàng	135.157.937.951	105.105.297.883	135.157.937.951	105.105.297.883
Các khoản phải thu khác	38.128.760.892	101.010.698.026	38.128.760.892	101.010.698.026
Cộng	315.060.506.264	420.571.834.613	315.060.506.264	420.571.834.613
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	408.892.888.227	320.903.971.173	408.892.888.227	320.903.971.173
Vay và nợ	3.217.761.577.070	2.797.501.370.526	3.217.761.577.070	2.797.501.370.526
Các khoản phải trả khác	132.587.382.979	168.781.843.963	132.587.382.979	168.781.843.963
Cộng	3.759.241.848.276	3.287.187.185.662	3.759.241.848.276	3.287.187.185.662

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8 và V.21). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Phương tiện vận tải truyền dẫn (đội tàu)	4.049.357.759.010	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	394.589.913.917	14.302.974.310		408.892.888.227
Vay và nợ	340.425.534.000	2.428.588.803.070	448.747.240.000	3.217.761.577.070
Các khoản phải trả khác	131.430.996.418	1.012.386.561	144.000.000	132.587.382.979
Cộng	866.446.444.335	2.443.904.163.941	448.891.240.000	3.759.241.848.276

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	<u>Thay đổi tỷ giá USD (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế</u>
Năm nay		
Tỷ giá tăng	+ 2%	(37.792.566.132)
Tỷ giá giảm	- 2%	37.792.566.132

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	<u>Thay đổi lãi suất (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế</u>
Năm nay		
Lãi suất tăng	+ 2%	(39.044.791.554)
Lãi suất giảm	- 2%	39.044.791.554

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Lập, ngày 18 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Vũ Hữu Chính

